TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:06/2026/QĐST-VDS	

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

"V/v yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự"

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Phương Tiến

Thư ký phiên họp: Ông Trần Ánh Phương - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thu Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 285/2026/TLST-VDS ngày 25 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2026/QĐST-VDS ngày 15 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1976, CCCD: 045076000817; địa chỉ: khu phố E (nay là khu phố T), phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977, CCCD: 045177001543; địa chỉ: khu phố E (nay là khu phố T), phường Q, tỉnh Quảng Trị - Là người bị yêu cầu, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 1998, CCCD: 045198000771; địa chỉ: khu phố E (nay là khu phố T), phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Phương L2, sinh năm 2000, CCCD: 045300000638; địa chỉ: khu phố E (nay là khu phố T), phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 16/6/2026 của ông Nguyễn T và các tài liệu có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự và ý kiến tại phiên họp như sau:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977; địa chỉ: khu phố E (nay là khu phố T), phường Q, tỉnh Quảng Trị là em ruột của ông Nguyễn T.

Từ thuở nhỏ, bà Nguyễn Thị L đã có biểu hiện chậm phát triển vận động (chậm biết đi) và hoàn toàn không nói được do câm, điếc bẩm sinh thể trạng. Tình trạng khuyết tật này kéo dài suốt, khiến em của ông hoàn toàn bị cô lập về mặt ngôn ngữ và nhận thức xã hội. Do hạn chế nghiêm trọng về trí tuệ và giác

quan, em ông Nguyễn T từ nhỏ không được đi học, lớn lên không có khả năng lao động hay thực hiện bất kỳ công việc nào để nuôi sống bản thân.

Hoàn cảnh gia đình của ông Nguyễn T hiện nay, cha mẹ của hai anh em đều đã qua đời. Hiện tại chỉ còn hai anh em nương tựa vào nhau. Bà L có 02 người con gái, tuy nhiên do bản thân bà hoàn toàn không có khả năng nhận thức và kinh tế, toàn bộ việc nuôi nấng và chăm sóc hai cháu suốt nhiều năm qua đều phải nhờ cậy hoàn toàn vào người thân trong gia đình gánh vác.

Qua quá trình trực tiếp chung sống và giám sát, ông Nguyễn T thấy bà L sa sút nghiêm trọng về năng lực nhận thức cơ bản, mọi hành vi sinh hoạt đều ở mức độ thụ động và phục thuộc, cụ thể:

Về khả năng lao động đơn giản: Ở nhà, bà L có thể thực hiện một số việc thủ công đơn giản như quét nhà, lau nhà. Tuy nhiên, nhận thức của bà L không đầy đủ nên việc tắm rửa không sạch sẽ, còn việc đánh răng, rửa mặt hàng ngày thì bắt buộc phải có người thân nhắc nhở, thúc đốc thì bà L mới tự giác thực hiện được.

Về tư duy tiền tệ và tài sản: Bà Nguyễn Thị L có nhận biết được tiền về mặt hình thức, nhưng hoàn toàn không hiểu giá trị của các mệnh giá và không biết cách sử dụng tiền để mua bán, giao dịch hay chi tiêu cơ bản.

Về khả năng quản lý hành vi: Đã có nhiều lần bà L tự ý đi ra ngoài rồi mất phương hướng, đi lạc đường, khiến người nhà phải vất vả tìm kiếm và đưa về.

Do tình trạng câm điếc nặng kết hợp chậm phát triển trí tuệ, hiện nay bà Nguyễn Thị L đang được hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội dành cho người khuyết tật nặng. Bà Nguyễn Thị L hoàn toàn không có năng lực hành vi dân sự để ký kết, thực hiện hay hiểu được các giao dịch dân sự hoặc giấy tờ hành chính. Toàn bộ các công việc liên quan đến quyền lợi hợp pháp của bà L từ trước đến nay đều do ông T trực tiếp đại diện và bảo hộ thực hiện.

Tình trạng suy giảm năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của bà Nguyễn Thị L đã kéo dài và ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân bà cũng như của gia đình.

Vì vậy, ông Nguyễn T yêu cầu Toà án tuyên bố bà Nguyễn Thị L mất năng lực hành vi dân sự để thuận lợi cho ông T thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến bà Nguyễn Thị L.

- **Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: bà Nguyễn Thị Phương L1 và bà Nguyễn Thị Phương L2 đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn T.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Trị phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Thư ký: Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp xét đơn yêu cầu.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 27, các Điều 35, 39, 149, 161, 369, 370, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 22 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng phiên họp quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị L mất năng lực hành vi dân sự.

Ông Nguyễn T phải chịu chi phí giám định và lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố T, phường Q, tỉnh Quảng Trị *"Mất năng lực hành vi dân sự",* đây là yêu cầu về việc dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Trị, căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết việc dân sự: bà Nguyễn Thị L là em ruột của ông Nguyễn T từ nhỏ bà Nguyễn Thị L đã có biểu hiện chậm phát triển vận động (chậm biết đi) và hoàn toàn không nói được do câm, điếc bẩm sinh thể trạng. Tình trạng khuyết tật này kéo dài suốt, khiến em của ông hoàn toàn bị cô lập về mặt ngôn ngữ và nhận thức xã hội. Do hạn chế nghiêm trọng về trí tuệ và giác quan, bà L không được đi học, lớn lên không có khả năng lao động hay thực hiện bất kỳ công việc nào để nuôi sống bản thân. Hiện nay, bà Nguyễn Thị L đang được hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội dành cho người khuyết tật nặng. Bà Nguyễn Thị L hoàn toàn không có năng lực hành vi dân sự để ký kết, thực hiện hay hiểu được các giao dịch dân sự hoặc giấy tờ hành chính. Toàn bộ các công việc liên quan đến quyền lợi hợp pháp của bà L từ trước đến nay đều do ông T trực tiếp đại diện và bảo hộ thực hiện. Do đó, ông Nguyễn T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Trị tuyên bố bà Nguyễn Thị L mất năng lực hành vi dân sự.

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 1640/KLGĐ ngày 14/7/2026 của Trung tâm P đã kết luận theo tiêu chuẩn y học: Chậm phát triển tâm thần nặng (H91.3.3-ICD-10).

Kết luận về năng lực hành vi dân sự: Mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi.

Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố T, phường Q, tỉnh Quảng Trị mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 22 của Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về lệ phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ông Nguyễn T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn T phải chịu chi phí tốt tụng theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, điểm d khoản 2 Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 372, Điều 376 và Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 22 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn T.

2. Tuyên bố bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố T, phường Q, tỉnh Quảng Trị *"Mất năng lực hành vi dân sự"*.

Các giao dịch dân sự phát sinh có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị L sẽ do người giám hộ hoặc đại diện theo pháp luật của bà Nguyễn Thị L xác lập, thực hiện theo quy định pháp luật

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0003251 ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông Nguyễn T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn T phải chịu 2.200.000 đồng chi phí giám định. Ông Nguyễn T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Phương L1 và Nguyễn Thị Phương L2 có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc kể từ ngày quyết định này được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKS khu vực 6- Quảng Trị;
- UBND phường Quảng Trị;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Tổ HC-TP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Phương Tiến